

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128/2018/HS-ST**

Ngày: 25-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lê Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ước

Ông Trương Hữu Tính

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Trung T**, tên gọi khác: **N**, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1990; Nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi cư trú: đường hẻm N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hoài Đ và bà Hàng Kim P; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 19/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

-Bị hại:

1. Bà Trương Nữ Thanh T, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: đường H, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

2. Ông Vũ Tiến M, sinh năm: 1976; Nơi thường trú: xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở: Khu N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

3. Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm: 1984; Nơi thường trú: đường N, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi tạm trú: đường X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

4. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Văn Thị Minh T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

3. Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trung T là đối tượng sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 09/9/2017 đến ngày 17/01/2018, T đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 09/9/2017, T đi đến đường H, phường L, thành phố Đ mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi vào hẻm số 81, T phát hiện căn nhà của chị Trương Thị Thanh T khoá cổng ngoài, T đoán không có người trong nhà nên đã leo qua hàng rào phía sau nhà, dùng tay giật bung chốt cửa sổ và đột nhập vào trong nhà lục lọi tìm tài sản và đã lấy trộm trong phòng ngủ một túi nhỏ bằng vải bên trong có chứa nhiều trang sức rồi treo qua cửa sổ ra ngoài và mở túi vải vừa lấy trộm thấy bên trong có 02 dây chuyền, 02 mặt dây chuyền, 01 lắc tay, 01 đôi bông tai và 10 chiếc nhẫn đều bằng kim loại vàng. Sau đó, T mang số trang sức lấy được nói trên đến tiệm vàng K ở đường N, phường A, thành phố Đ bán cho bà Văn Thị Minh T (chủ tiệm vàng) được số tiền 30.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Số vàng mua của T tiệm vàng đã bán cho người khác không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

Bị hại: Bà Trương Nữ Thanh T, sinh năm: 1972 bị chiếm đoạt 06 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 07 chỉ, 02 nhẫn cưới vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K gắn hột ngọc trai trọng lượng vàng 0,81 chỉ, 01 nhẫn vàng loại vàng 70 gắn pha lê đen trọng lượng vàng 0,63 chỉ, 01 dây chuyền vàng hộp vuông loại vàng 610 trọng lượng 2,095 chỉ, 01 dây chuyền vàng cong khúc loại vàng 610 trọng lượng 2,24 chỉ; 01 mặt dây chuyền hình hoa bốn cánh loại vàng 610 trọng lượng 0,835 chỉ, 01 mặt dây chuyền hình oval loại vàng 70 trọng lượng 0,75 chỉ, 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 0,73 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 610 trọng lượng 0,865 chỉ. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định tổng số nữ trang nói trên có tổng trị giá là 47.669.855 (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng. Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, bà T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.

Lần 2: Cũng thủ đoạn như trên, khoảng 19 giờ ngày 09/12/2017, T đi bộ từ nhà trọ đến khu N, phường E, thành phố Đ với mục đích tìm tài sản trộm cắp, khi đi đến căn nhà D7 của ông Vũ Tiến M thấy khoá cổng ngoài, đoán không có người trong nhà nên T đã đi qua bên hông trái của căn nhà rồi leo qua hàng rào, đến cửa sổ dùng tay giật bung chốt cửa sổ, đột nhập vào trong nhà lục lọi tìm tài sản và đã lấy trộm 01

laptop hiệu Sony Vaio, 01 laptop hiệu Acer, 01 laptop hiệu Macbook Pro Retina và 03 chiếc đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu. Sau đó, T mang 03 chiếc laptop đến cửa hàng T ở đường Nguyễn Văn T, phường B, thành phố Đ bán cho anh Trần Văn L (chủ cửa hàng) 02 chiếc laptop hiệu Vaio và Acer được số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng và tiêu xài cá nhân hết còn chiếc laptop còn lại do cửa hàng không mua nên T đã vứt bỏ ở đường T. 03 chiếc đồng hồ lấy được T mang cho một người tên “T” ở huyện Đ (là người đã bán ma túy cho T). Cửa hàng T đã bán lại 02 chiếc laptop mua của T cho người khác không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

Bị hại: Ông Vũ Tiến M, sinh năm: 1976 bị chiếm đoạt 01 laptop hiệu Sony Vaio Core i7-4500/Win8, màn hình 14 inch, màu đen; 01 laptop hiệu ACER Core i3-7100U, màn hình 15.6 inch, màu đen; 01 laptop hiệu Macbook Pro Retina, màn hình 13 inch, màu trắng và 03 chiếc đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định 03 chiếc laptop nói trên tổng trị giá là 53.000.000 (Năm mươi ba triệu) đồng. Ông M không yêu cầu bồi thường gì đối với tài sản bị chiếm đoạt.

Lần 3: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/01/2018, T đi bộ đến căn nhà số ... đường X, phường G, thành phố Đ của bà Cao Thị Thanh T thì phát hiện nhà khoá cổng ngoài, đoán không có người trong nhà nên T đã đi lên cầu thang kế bên nhà, leo lên mái tôn đến cửa sổ tầng 2 rồi dùng tay gạt bung chốt cửa sổ, đột nhập vào trong nhà lục lọi tìm tài sản và phát hiện 01 giỏ sách màu đen để ở bàn phía cuối giường nên lục giỏ lấy được số tiền mặt 3.600.000 đồng, rồi tiếp tục lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 laptop hiệu ASUS màu đen. Sau khi lấy được tài sản, T mang chiếc điện thoại và laptop đến cửa hàng T bán chiếc điện thoại được 500.000 đồng, còn chiếc laptop cửa hàng không mua nên T mang vứt bỏ ở một thùng rác trên đường P, thành phố Đ. Số tiền trộm cắp và bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại của T, anh L đã bán cho người khác không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

Bị hại: Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm 1984 bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, 01 laptop hiệu ASUS màu đen và số tiền mặt là 3.600.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại di động hiệu Oppo nói trên trị giá 1.166.000 đồng, chiếc laptop hiệu ASUS đã hết khấu hao sử dụng. Tổng giá trị tài sản bà T bị chiếm đoạt là 4.766.000 (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Bà T không yêu cầu bồi thường gì đối với tài sản bị chiếm đoạt.

Lần 4: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/01/2018, T đi mua thuốc hút, khi đi ngang qua căn nhà số ... đường T, phường E, thành phố Đ của bà Hoàng Thị H, thấy nhà khoá cổng, đoán không có người trong nhà nên T đã leo qua hàng rào phía bên phải căn nhà, leo lên cửa sổ tầng 2 rồi dùng tay gạt bung chốt cửa sổ, đột nhập vào trong nhà lục lọi các giỏ xách trong phòng ngủ, lấy trộm 01 đôi bông tai bằng vàng 18K, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K và số tiền 500.000 đồng. Sau đó, T mang số vàng trộm được đến tiệm vàng K bán được số tiền 1.800.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua vàng của T, tiệm vàng đã bán cho người khác không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

Bị hại: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984 bị chiếm đoạt 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 0,4 chỉ, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K trọng lượng 0,6 chỉ và số tiền 500.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 0,4 chỉ trị giá 1.057.120 đồng, 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K trọng lượng 0,6 chỉ trị giá 1.585.680 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà H là 3.142.800 (Ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm) đồng. Bà H cũng không yêu cầu bồi thường gì đối với tài sản bị chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, để có ma túy sử dụng, khoảng 19 giờ ngày 18/01/2018, T điều khiển xe mô tô hiệu INCO, biển số 49S8-66.. mượn của anh Nguyễn Hoàng N xuống thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mua của một người tên “T” (không rõ nhân thân lai lịch) 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng rồi cất trong túi quần và quay về thành phố Đ với mục đích để sử dụng. Đến khoảng 20 giờ ngày 19/01/2018, khi T đang ở phòng trọ của mình tại địa chỉ ... đường T, phường E, thành phố Đ thì bị cơ quan công an kiểm tra phát hiện trong túi quần T đang mặc có 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản quả tang và thu giữ cùng tang vật. T khai nhận đó là gói ma túy đá của T mua như trên nhưng chưa kịp sử dụng.

Tang vật thu giữ: 01 gói nylon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung bật nắp màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen; 01 xe mô tô hiệu INCO, biển số 49S8-66..; thu giữ của chị Trần Thị Thu N (bạn của T) 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng kim loại màu vàng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 468/GĐ – PC54 ngày 23/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1110g, loại Methamphetamine. (*Methamphetamine là chất ma túy, nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ*).

Trong vụ án này, có bà Văn Thị Minh T (chủ tiệm vàng K) là người mua số nữ trang của bị cáo T; anh Trần Văn L (chủ cửa hàng điện thoại T) là người đã mua lại điện thoại và laptop của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định, khi mua số tài sản trên, bà T và anh L đều không biết đó là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Anh Nguyễn Hoàng N là người cho bị cáo T mượn chiếc xe mô tô hiệu INCO, biển số 49S8-66.. để đi làm. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Nguyễn Hoàng N, anh N không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy nên không có cơ sở xử lý. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe trên cho anh N.

Ngoài ra, còn có đối tượng tên “T” là người đã bán ma túy cho bị cáo T, tuy nhiên hiện chưa xác định được lai lịch địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 127/CT-VKS ngày 16/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phạm Trung T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên toà,

Bị cáo Phạm Trung T khai nhận từ ngày 09/9/2017 đến ngày 17/01/2018, bị cáo đã 04 lần đột nhập vào nhà của người dân trên địa bàn thành phố Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm nữ trang bằng vàng, laptop, điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài cụ thể như trên. Ngoài ra, bị cáo khai nhận, ngày 18/01/2018, bị cáo có xuống huyện Đứ mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng của một người tên “T” tàng trữ để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì tối ngày 19/01/2018, bị cơ quan công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang bị cáo đang tàng trữ gói ma túy trên trong túi quần đang mặc. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội và tranh luận đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản xác định hiện trường, tang vật thu giữ, kết quả định giá tài sản, kết luận giám định, lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 42 - 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 24 - 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Nữ Thanh T số tiền 17.669.855 (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng. Các bị hại khác không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong đựng bao gói vật chứng hoàn lại sau giám định; Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung bất nắp màu đen của bị cáo sử dụng vào việc mua ma túy; Giao lại cho Cơ quan điều tra 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng kim loại màu vàng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và cam đoan không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Trung T tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng, biên bản xác định hiện trường, tang vật thu giữ, kết luận giám định, kết quả định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 09/9/2017 đến ngày 17/01/2018, lợi dụng trong lúc các bị hại vắng nhà, bị cáo Phạm Trung T đã 04 lần thực hiện hành vi cạy cửa, đột nhập vào nhà của bà Trương Nữ Thanh T, ông Vũ Tiến M, bà Cao Thị Thanh T và bà Hoàng Thị H trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 108.578.655 (Một trăm lẻ tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm) đồng. Ngoài ra, ngày 18/01/2018, bị cáo T mua gói ma túy có chứa 0,1110g Methamphetamine của một người tên “T” (không rõ lai lịch, địa chỉ) cất giấu trong túi quần với mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang vào khoảng 19 giờ ngày 19/01/2018, khi bị cáo T đang ở nhà trọ tại đường T, phường E, thành phố Đ. Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong các lần trộm cắp tài sản nói trên, có 02 lần bị cáo T thực hiện vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, đối chiếu tội này quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là nhẹ hơn nên áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức pháp luật và biết rõ chất ma túy, chất gây nghiện đều do Nhà nước quản lý. Mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ 0,1110g Methamphetamine để sử dụng. Bị cáo cũng nhận thức rất rõ tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe của bản thân nói riêng và đối với xã hội nói chung vì nghiện ma túy là một trong những nguyên nhân hình thành mầm mống các tội phạm khác mà cụ thể là trường hợp của bị cáo trong vụ án này. Là thanh niên có sức khỏe, đang ở độ tuổi lao động để tạo ra của cải vật chất cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng chỉ vì ham chơi, sa vào nghiện hút ma túy mà bị cáo đã lợi dụng lúc người dân vắng nhà, nhiều lần thực hiện hành vi cạy cửa, đột nhập trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lớn để bán lấy tiền tiêu xài và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Hành vi của bị cáo thực

hiện là nghiêm trọng, liều lĩnh và xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và xâm hại trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời tạo điều kiện để bị cáo cách ly với chất ma túy.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bà T. Bị hại bà H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hai tội và áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Trộm cắp tài sản” để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo là lao động tự do, việc làm không ổn định thường xuyên, không có tài sản riêng, đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung của cả hai tội đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trương Nữ Thanh T xác định gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, bà T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 26.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của bà là có căn cứ, tuy nhiên tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà T có tổng trị giá là 47.669.855 đồng nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bà Tâm số tiền 17.669.855 (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Các bị hại ông Vũ Tiến M, bà Cao Thị Thanh T và bà Hoàng Thị H và người liên quan bà Văn Thị Minh T, anh Trần Văn L, anh Nguyễn Hoàng N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 phong bì niêm phong bên trong có túi nylon (mẫu vật sau giám định không còn) và bao gói vật chứng hoàn lại sau giám định nên tịch thu tiêu huỷ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung bật nắp màu đen là tài sản của bị cáo sử dụng liên lạc để mua ma túy nên tịch thu để sung vào Ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 mặt dây chuyền hình trái tim và 01 sợi dây chuyền thu giữ của chị Trần Thị Thu N, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, tuy nhiên hiện chị N không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì không rõ nên giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Trung T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Phạm Trung T tiếp tục bồi thường cho bà Trương Nữ Thanh T số tiền 17.669.855 (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) phong bì niêm phong bên trên phong bì có chữ ký giáp lai của Phạm Thị D, Lại Thanh Anh T, Trần Danh H, con dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, bên trong phong bì niêm phong có 01 túi nylon (mẫu vật còn lại sau giám định không còn); Bao gói.

- Tịch thu của bị cáo Phạm Trung T 01 điện thoại di động hiệu Samsung nắp bật màu đen, bàn phím, số IMEI: 358868050765948-358869050765946 để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Trung T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen, IMEI: 353382072595262 - 3533820752595270 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt 01 (một) phong bì niêm phong bên trên phong bì có chữ ký giáp lai của Trần Thị Thu N, cán bộ Công an phường E và 03 dấu giáp lai của Công an phường E, bên trong có 01 mặt dây chuyền hình trái tim và 01 sợi dây chuyền để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/8/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Trung T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 883.500 (Tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, anh L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên